



qiú xīng

球星

noun · sports star (ball sport)

Example Sentences

tā shì yī wèi zhù míng de qiú xīng

他是一位著名的球星。

He is a famous sports star.

zhè wèi qiú xīng zài bǐ sài zhōng jìn le sān gè qiú

这位球星在比赛中进了三个球。

This sports star scored three goals in the match.

xǔ duō hái zǐ mèng xiǎng chéng wéi qiú xīng

许多孩子梦想成为球星。

Many children dream of becoming sports stars.

Trace each character, then write the word on your own.

球	球	球	球	球	球	球	球	球	球	球
球	球	球								
星	星	星	星	星	星	星	星	星	星	星
星										